TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NT **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 523/2023/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 28 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 676/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa:

* *NguY đơn*: Ông **Nguyễn Công M** – sinh năm 1996.
HKTT: Thôn Hòa Lạc, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Y.
Địa chỉ hiện ở: Thôn 14, xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
* *Bị đơn*: Bà **Trịnh Thị P** – sinh năm 1993.
HKTT: Thôn Hòa Lạc, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Y.
Địa chỉ: Lô 208 MBPL Nam và Bắc Phong Châu, Phước H, NT, KH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Công M và bà Trịnh Thị P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Trịnh Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là cháu Nguyễn Phương T (sinh ngày 18/8/2021).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Công M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Thảo đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Ông M và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Công M tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông M pH nộp số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phícấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011939 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Ông M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh KH;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. NT (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh L; (số 55/2021, ngày 04/11/2021).
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Đàm Thị Bích Ngọc